

VAI TRÒ CỦA NGƯỜI VIỆT TRONG PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ Ở VÙNG BIÊN GIỚI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC¹

ThS. Tạ Thị Tâm

Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Các hoạt động thương mại và dịch vụ ở vùng biên giới Việt - Trung được khôi phục năm 1989 và mở rộng từ khi quan hệ Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa năm 1991. Các tộc người ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy những hoạt động thương mại và dịch vụ, góp phần làm thay đổi bộ mặt kinh tế ở khu vực này. Bài viết tập trung làm rõ thêm vai trò của người Việt (Kinh) trong việc hình thành các trung tâm thương nghiệp và phát triển dịch vụ ở vùng biên giới, đồng thời thúc đẩy các quan hệ thương mại và dịch vụ xuyên biên giới cũng như những ảnh hưởng của người Việt trong các hoạt động kinh tế này.

Từ khóa: Người Việt, thương mại, dịch vụ, vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Ngày nhận bài: 29/6/2018; ngày gửi phản biện: 2/7/2018; ngày duyệt đăng: 8/8/2018

Mở đầu

Vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc nước ta trải dài trên địa bàn 7 tỉnh (Điện Biên, Lai Châu, Lào Cai, Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh) tiếp giáp với tỉnh Vân Nam và Khu tự trị dân tộc Choang (tỉnh Quảng Tây) của Trung Quốc. Đây là khu vực có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh quốc phòng của quốc gia. Người Việt đã tụ cư ở đây từ khá sớm và là lực lượng quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội ở khu vực này. Từ khi quan hệ Việt Nam - Trung Quốc bình thường hóa năm 1991 đến nay, quá trình chuyển cư của người Việt đến đây tiếp tục diễn ra với tốc độ nhanh và mạnh mẽ hơn. Tại đây, người Việt là lực lượng chủ đạo ở các đô thị (Nguyễn Văn Huy, 1982; Hoàng Hữu Bình, 1993; Bùi Xuân Đính, 2009; Bùi Xuân Đính, Tạ Thị Tâm, 2009), sinh sống dọc những đường giao thông lớn, các khu vực cửa khẩu, chợ biên giới; là lực lượng quan trọng tham gia vào các hoạt động thương mại và dịch vụ - để tạo cơ sở hình thành những trung tâm thương nghiệp lớn, tạo ra động lực mạnh mẽ trong việc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế ở các tỉnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc (Nguyễn Công Thảo, 2000; Bùi Xuân Đính, 2009; Bùi Xuân Đính, Nguyễn Ngọc Thanh, 2013). Bài viết này góp thêm góc nhìn mới về

¹ Bài viết là kết quả của đề tài cấp Cơ sở năm 2018 "Vai trò của người Việt trong phát triển kinh tế ở vùng biên giới Việt - Trung" do ThS. Tạ Thị Tâm làm Chủ nhiệm.

vai trò cũng như những ảnh hưởng của người Việt trong quá trình phát triển thương mại và dịch vụ ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc từ năm 1991 đến nay.

1. Đặc điểm kinh tế vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc

Ở vùng biên giới Việt Nam – Trung Quốc, nông nghiệp là cơ sở kinh tế chính. Các tộc người ở vùng thấp (Tày, Nùng, Sán Diu, Sán Chay) chủ yếu canh tác ruộng nước trong những thung lũng chân núi. Các tộc người ở vùng cao (Hmông, Lô Lô, Hà Nhì, Dao, Giáy, Cơ Lao, Bô Y) làm nương rẫy hoặc ruộng cạn bậc thang. Tuy nhiên, điều kiện tự nhiên trong vùng có những yếu tố bất lợi cho sản xuất nông nghiệp như thiếu nước, thời tiết lạnh kéo dài, không thuận lợi cho cây lúa phát triển. Sản lượng lúa hàng năm chỉ đủ đáp ứng được một phần nhu cầu về lương thực của người dân. Hiện nay, các tộc người đang chú trọng phát triển những sản phẩm nông nghiệp mang tính chất đặc trưng của vùng biên giới như các giống lúa Sém Cù, Bao Thái, Kim Cương,... Ngoài ra, các tộc người còn trồng thêm các loại hoa màu như ngô, sắn và một số cây thực phẩm như đậu tương... nhưng sản lượng thấp nên một phần để phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong gia đình và số ít mang ra trao đổi ở các chợ trong vùng. Các tộc người cũng đang chú trọng trồng một số loại cây mang tính đặc sản hay sản vật riêng của vùng (như hồi, na, mận, lê, mắc cở ở Lạng Sơn; cam, quýt ở Hà Giang; chè, thuốc lá ở Lào Cai;...), từng bước hướng tới nền nông nghiệp mang tính chuyên canh cao, phát triển kinh tế đồi rừng, vườn rừng.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm cũng khá phát triển, trong đó một số vật nuôi trở thành hàng hóa nổi tiếng như lợn Móng Cái ở tỉnh Quảng Ninh, vịt ở Lạng Sơn, ngựa Nước Hai ở Cao Bằng. Người Tày, Nùng còn rất thành thạo nuôi cá trong các ruộng nước theo mùa vụ (Bùi Xuân Đỉnh, 2009, tr. 33). Các tộc người trong vùng có truyền thống nuôi trâu, bò, ngựa để lấy sức kéo và làm hàng hóa trao đổi tại địa phương và với bên kia Trung Quốc (Bonnin, 2014).

Thủ công nghiệp tương đối phát triển, gồm các nghề dệt may thổ cẩm, rèn, làm gạch ngói,... Nhiều làng nghề nổi tiếng cả nước như làng rèn ở Phúc Sen (huyện Quảng Uyên, Cao Bằng); dệt thổ cẩm ở Sa Pa (tỉnh Lào Cai); gốm, đan lát ở Quảng Ninh;... Các sản phẩm trên đang từng bước đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tại địa phương và trở thành hàng hóa ngoài thị trường.

Các tỉnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc có hệ thống chợ phiên, chợ vùng biên, các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu quốc gia, đường tiểu ngạch phục vụ việc trao đổi hàng hóa trong vùng và với cư dân ở bên kia biên giới. Tuy nhiên, đa số người dân tộc thiểu số buôn bán ở các chợ vùng biên đều mang tính chất không chuyên nghiệp, số người buôn bán chuyên nghiệp chiếm tỷ lệ rất thấp (Trần Hữu Sơn, 2014).

2 Vai trò của người Việt trong phát triển thương mại và dịch vụ

2.1. Người Việt là lực lượng quan trọng trong việc hình thành các trung tâm thương mại lớn

Ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc, người Việt tập trung sinh sống tại các đô thị (thành phố thuộc tỉnh, thị trấn huyện lỵ) hoặc những điểm dân cư mang tính đô thị (những thị tứ, trung tâm xã) và dọc các trục đường giao thông lớn. Các khu vực này tập trung những trung tâm thương mại lớn của tỉnh lỵ. Ở đây có các công ty thương mại và chợ tỉnh giữ vai trò chợ đầu mối để phân bổ nguồn hàng từ các địa phương (trong tỉnh và ngoài tỉnh). Hàng hóa từ khắp nơi đổ về, sau đó được phân phối đi các địa phương khác trong vùng. Ngoài ra, ở các tỉnh còn có một số chợ tuy có quy mô nhỏ nhưng đóng vai trò lớn trong việc điều tiết nguồn hàng hóa trong tỉnh, thậm chí với các tỉnh lân cận trong vùng,... Từ khi mở cửa biên giới Việt Nam - Trung Quốc, người Việt chuyển đến đây đông đúc hơn và trở thành lực lượng chính tham gia vào hoạt động của các trung tâm thương mại ở khu vực này. Hệ thống thương mại ở các tỉnh vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay gồm:

Các công ty thương mại tỉnh, huyện chịu trách nhiệm bảo đảm cung cấp những mặt hàng thiết yếu theo tiêu chuẩn “trợ cước, trợ giá” cho các xã vùng biên và kết hợp làm nhiệm vụ kinh doanh.

Ở các tỉnh đều có hệ thống cửa khẩu, chợ vùng biên và chợ dân sinh (từ trung tâm tỉnh xuống xã), là nơi giao thương hàng hóa trong vùng và với bên kia Trung Quốc. Khu vực biên giới này hiện có 9 cặp cửa khẩu, trong đó có 3 cửa khẩu quốc tế là Hữu Nghị, Lào Cai và Móng Cái (Trần Hồng Hạnh, 2016, tr.3). Ngoài ra, vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc còn có 14 cửa khẩu quốc gia (Bùi Xuân Đỉnh, Nguyễn Ngọc Thanh, 2013, tr.20). Bên cạnh đó, còn có một loạt các cặp chợ đường biên và đường mòn dân sinh xuyên biên giới (Vương Xuân Tinh chủ biên, 2014, tr. 50-51). Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế thương mại ở vùng biên này. Ngoài ra, trên toàn tuyến biên giới có nhiều đô thị các cấp, như thành phố Lạng Sơn (Lạng Sơn), Móng Cái (Quảng Ninh), Lào Cai (Lào Cai); hoặc các thị trấn huyện lỵ như Đồng Đăng (huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn), Tà Lùng (huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng),... Hầu hết các tỉnh này là nơi tập trung nguồn hàng hóa trong vùng (thông qua việc trao đổi hàng hóa với 500 chợ lớn nhỏ ở miền Bắc), cũng là đầu mối trao đổi hàng hóa của các tỉnh trong cả nước và với Trung Quốc. Chẳng hạn, thị trấn Đồng Đăng - nơi có cửa khẩu Hữu Nghị và Đồng Đăng, lại có đường sắt liên vận và đường quốc lộ chạy qua, từ sau mở cửa biên giới đã nhanh chóng trở thành trung tâm kinh tế quan trọng của tỉnh Lạng Sơn và nổi tiếng khắp cả nước. Năm 1988, có 600 hộ người Việt từ miền xuôi hội cư ở thị trấn này, nâng tổng số lên đến 720 hộ, trong đó 90% số hộ sống bằng nghề buôn bán ở các cửa khẩu, chợ biên giới. Ngoài ra, còn có 2.000 người Việt ở những tỉnh trung du và đồng bằng lên buôn bán, làm thuê ở các cửa khẩu và chợ vùng biên của tỉnh Lạng Sơn (Nguyễn Minh Hằng, 2001, tr.

161). Ở thị trấn Phong Thổ (tỉnh Lai Châu) có 280 hộ đăng ký kinh doanh, trong đó có 265 hộ là người Việt (chiếm 85,05% dân số và 95% hộ đăng ký kinh doanh). Mặt hàng kinh doanh chủ yếu của các hộ buôn bán người Việt là hàng tiêu dùng, lương thực, thực phẩm, một số làm dịch vụ sửa chữa máy móc, điện tử; người Việt đóng góp 93% trong tổng số thuế thu được của thị trấn, kiểm soát hầu hết các hoạt động trao đổi mua bán nơi đây (Nguyễn Công Thảo, 2000, tr. 23, 34).

Hệ thống các cửa hàng lớn nhỏ từ xã xuống đến các thôn bản chủ yếu do người Việt mở ra vào những thời điểm khác nhau. Chẳng hạn, ở xã Cán Cẩu (huyện Simacai, tỉnh Lào Cai) có chợ từ năm 1994 nhưng phải đến năm 2000 khi người Việt từ dưới xuôi chuyển lên thì mới xuất hiện các cửa hàng tạp hóa, lương thực, thực phẩm, thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu,... Trước đó, các tộc người thiểu số ở địa phương phải đi chợ huyện tại thị trấn Simacai mới mua được những loại hàng tiêu dùng thiết yếu (Tạ Thị Tâm, tư liệu thực địa năm 2018).

Hệ thống khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng lớn ở các thành phố, thị xã, thị trấn vùng biên mọc lên ngày càng nhiều,... Tại đây, các cơ sở kinh doanh thương mại và dịch vụ, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ chủ yếu do người Việt quản lý. Đây là nhân tố hết sức quan trọng trong hệ thống thương mại ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Từ năm 1991 đến nay, vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc đã hình thành nhiều trung tâm thương mại lớn và nổi tiếng, như ở tỉnh Lạng Sơn có các trung tâm thương mại Tân Thanh, Đồng Kinh, Kỳ Lừa, trong đó người Việt chiếm đa số trong những người tham gia hoạt động buôn bán tại các trung tâm này, chỉ có một bộ phận nhỏ là người Tày, Nùng. Tương tự, ở tỉnh Lào Cai có cửa khẩu quốc tế Lào Cai và hệ thống chợ giáp biên như Cốc Lếu, Kim Tân, Gốc Mít,... Ở tỉnh Quảng Ninh có hai trung tâm lớn, trong đó Trung tâm thương mại Móng Cái ở sát biên giới Việt Nam - Trung Quốc gồm 4 khu chợ lớn là: chợ I, chợ II, chợ III và chợ IV, gồm các sạp hàng và ki ốt bán hàng quần áo, điện tử, tạp hóa,... Ước tính có khoảng 30 - 40% tiêu thương Trung Quốc sang thuê quầy bán hàng tại các chợ này, còn lại đều là tiêu thương người Việt. Tính đến năm 2000, tổng số hộ kinh doanh tại 4 chợ là 1.200 hộ, trong đó có 350 hộ là người Trung Quốc sang kinh doanh cố định tại chợ. Đến năm 2003, thương nhân Trung Quốc đã lên 612 hộ và tính đến năm 2010, chợ Móng Cái nói chung đã có 2.573 hộ kinh doanh, trong đó 1.100 hộ kinh doanh người Trung Quốc (Bùi Xuân Đình, 2009; Ngô Thị Lan Phương, 2015, tr. 89). Gần đây nhất, tháng 2 năm 2018, số hộ kinh doanh cố định ở 4 chợ Móng Cái nói trên lên đến 3.500 hộ, trong đó có 1.500 hộ là người Trung Quốc thuê quầy, 2.000 hộ là người Việt, bao gồm người Việt gốc Móng Cái và người Việt từ các tỉnh miền xuôi lên làm ăn buôn bán (Tạ Thị Tâm, tư liệu thực địa tháng 2/2018 tại thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh). Ngoài ra, ở quanh khu vực chợ Móng Cái và cửa khẩu còn có khoảng 400 - 500 người Việt chuyên bán hàng rong phục vụ khách du lịch trong nước và khách nước ngoài. Khu chợ Móng Cái có truyền thống buôn bán, lại có

nhiều ưu đãi của chợ biên giới trong khu vực cửa khẩu, nên luôn thu hút một lượng lớn người Việt từ khắp các tỉnh thành trong cả nước đến làm ăn buôn bán, góp phần thúc đẩy nhiều quan hệ thương mại hai bên biên giới (Bùi Xuân Đình, 2009; Ngô Thị Lan Phương, 2015, tr. 90). Trung tâm thương mại Móng Cái không chỉ thúc đẩy thương mại và dịch vụ của tỉnh Quảng Ninh mà còn của cả nước, đồng thời tạo ra một nguồn thu lớn từ thuế xuất nhập khẩu, là tiền đề để xây dựng hàng loạt các công trình hạ tầng của thành phố, tạo nên một đô thị Móng Cái sầm uất và hiện đại như ngày nay.

Ở các huyện đều có trung tâm thương mại gắn với hệ thống chợ huyện và phần lớn các chợ tập trung ở những xã vùng thấp và một số ít ở các xã vùng cao. Tuyệt đại bộ phận người kinh doanh chuyên nghiệp trong các chợ này là người Việt.

Từ khi mở cửa biên giới Việt Nam - Trung Quốc, các hoạt động thương nghiệp của người Việt ở vùng này rất hiệu quả. Vào thời vụ thu hoạch các loại nông, lâm sản, như: hồi, đào, na, mận, hồng, mơ, quýt... dù giao thông khó khăn, địa hình vùng cao hiểm trở nhưng người thu mua vẫn có mặt tại các bản làng, đến từng hộ gia đình, từng vườn để gom sản phẩm chờ đi tiêu thụ ở các vùng khác. Số lượng thu gom của các thương lái lớn, chiếm khoảng 60 - 80% sản lượng thu hoạch hàng năm, góp phần khuyến khích sản xuất phát triển. Cùng với hoạt động thu mua nông sản, thương lái còn đem các sản phẩm từ nơi khác tới trao đổi, bán cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng cao. Tuy nhiên, với các loại quả tươi, thời vụ thu hoạch thường tập trung trong thời gian ngắn, số lượng lớn, khó bảo quản, vận chuyển dễ hư hỏng nên người sản xuất cũng khó tránh khỏi những thua thiệt vì bị ép giá, áp đặt điều kiện bất lợi, nhất là khi thị trường có nhiều biến động (Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn, 1999, tr. 446). Đến nay, người Việt vẫn đóng vai trò quan trọng trong hoạt động thu mua nông, lâm sản ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Các sản phẩm trên không chỉ phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước mà chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc (Tạ Thị Tâm, tư liệu thực địa năm 2018).

2.2. Hình thành và phát triển hệ thống dịch vụ

Vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc hiện nay đã hình thành đủ các loại hình hoạt động dịch vụ khác nhau ở cả đô thị và vùng nông thôn, trong khu vực nhà nước và tư nhân. Ở mỗi ngành kinh tế lại có loại hình dịch vụ riêng, như:

Các công ty vận tải thủy bộ quốc doanh phần lớn đã cổ phần hóa và rất nhiều doanh nghiệp tư nhân hoạt động có hiệu quả. Ở lĩnh vực này người Việt chiếm toàn bộ việc vận chuyển hành khách, hàng hóa trên các tuyến đường nội bộ trong tỉnh và ngoài tỉnh, những tuyến đường dài vào các tỉnh miền Nam. Trong những năm gần đây, sự phát triển của hệ thống cơ sở hạ tầng giúp cho hệ thống xe khách từ trung tâm tỉnh, thành phố đi các huyện, xã đa dạng và thuận tiện hơn. Hệ thống xe khách chất lượng cao, xe buýt nhanh hay dịch vụ đón trả khách tại nhà rất thuận tiện, giúp cho các hoạt động đi lại của người dân, vận chuyển

hàng hóa giữa vùng biên và cả nước trở nên thuận lợi, dễ dàng hơn. Kể từ khi tuyến đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai đi vào hoạt động, thời gian đi lại và vận chuyển hàng hóa từ các tỉnh đồng bằng lên Lào Cai được rút ngắn. Ngoài ra, xe ô tô là loại hình vận chuyển hành khách rất phổ biến và hiệu quả ở các địa phương từ thành phố tới nông thôn.

Các cơ quan cảng vụ đảm nhận những dịch vụ hoa tiêu và cảng đường thủy (chủ yếu ở tỉnh Quảng Ninh). Các công ty cung ứng tàu biển đảm nhận những công việc vệ sinh tàu và sửa chữa nhỏ cho các con tàu khi vào cảng. Gắn với giao thông, trong những năm qua các tỉnh đều hình thành những công ty tư vấn và thiết kế công trình giao thông và làm dịch vụ rất hiệu quả (Bùi Xuân Đình, 2009).

Các dịch vụ bán và sửa chữa ô tô, những cửa hàng bán và sửa chữa xe đạp điện, xe máy, đồ điện tử, điện lạnh của người Việt có ở khắp các thành phố, thị xã, thị trấn và một số dịch vụ đến tận trung tâm xã. Ở xã Cán Cấu, huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai có 5 cửa hàng sửa xe máy, 2 cửa hàng sửa chữa điện tử, điện lạnh, 3 cửa hàng bán và sửa chữa điện thoại của người Việt, đáp ứng được các nhu cầu tại chỗ và góp phần quan trọng trong việc kết nối, liên lạc thường xuyên hơn tại cộng đồng (Tạ Thị Tâm, tư liệu thực địa, tháng 2/2018).

Trên địa bàn các tỉnh cũng hình thành những cơ sở dịch vụ nông nghiệp (giống, thức ăn gia súc, phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc thú y...). Tuyệt đại đa số các cơ sở kinh doanh này do người Việt nắm giữ; một số hộ là người dân tộc thiểu số được người Việt tư vấn, giúp đỡ cũng chuyển ra sống ven đường để kinh doanh các mặt hàng trên. Kết quả khảo sát ở xã Cán Cấu vào tháng 2/2018 cho thấy, từ năm 1996 một số người Việt ở Phú Thọ và Vĩnh Phúc bắt đầu đến đây để mở đại lý bán thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu,... Thông qua các hoạt động mua bán, người Việt và các tộc người thiểu số ở trong xã và thôn bản ngày càng trở nên thân thiết. Họ được cộng đồng người Hmông trong vùng đánh giá cao bởi luôn giúp đỡ người dân tộc thiểu số trong việc làm ăn kinh tế. Một số chủ hàng người Việt bán thức ăn chăn nuôi và hướng dẫn cho người dân sở tại cách sử dụng thức ăn chăn nuôi cũng như mở các cửa hàng dịch vụ ngay tại thôn bản (như bà Nguyễn Thị M., người Việt lên sinh sống tại xã Cán Cấu từ năm 2000).

Tại các chợ dân sinh, dịch vụ cho sinh hoạt hàng ngày rất đa dạng, như các loại thực phẩm tươi sống hoặc chế biến sẵn, những mặt hàng lương thực, đồ tiêu dùng,... Các quán ăn bình dân và đặc sản mọc lên khắp nơi, không chỉ ở tỉnh lỵ mà nhiều thị trấn cũng có nhà hàng nhận đặt tiệc cưới, hội nghị, nhận làm bánh ga-tô cho cưới hỏi, sinh nhật. Ở xã Cán Cấu, có Nhà hàng Tú Lành là nhà hàng duy nhất ở xã, chủ cửa hàng là người Việt ở dưới xuôi lên.

Về dịch vụ xây dựng, ngoài các công ty xây dựng (cả tư nhân và nhà nước) nhận thiết kế, thi công các công trình, còn có những tổ, nhóm thợ người Việt từ các tỉnh miền xuôi lên nhận làm thuê hoặc nhận khoán san lấp xây dựng, sửa chữa lớn nhỏ các công trình xây dựng

tại địa phương. Ngoài ra còn có những cơ sở hoặc các nhóm thợ chuyên về điện dân dụng, khoan giếng, lắp đặt ống nước, trang trí nội thất, đồ mộc, nhôm kính, nhựa, khoan cắt bê tông... hoạt động rất linh hoạt theo nhu cầu của người dân sở tại.

Về dịch vụ lưu trú, ở đô thị có các khách sạn hạng cao thấp khác nhau, từ nhà nghỉ bình dân, nhà trọ đến khách sạn cao cấp 3 - 4 sao. Chủ các cơ sở này đều là người Việt.

Ở các thành phố, thị xã, thị trấn đều có các công ty, cửa hàng thời trang. Ở các khu dân cư có những tiệm cắt may và các cửa hàng bán quần áo may sẵn đáp ứng mọi thị hiếu, nhu cầu về may mặc của người dân. Có những cửa hàng chuyên đóng giày, dép hoặc mũ, nón. Các thành phố, thị trấn đều có cửa hàng kim hoàn, bán đồ trang sức, hàng lưu niệm và các loại văn hóa phẩm. Hầu hết các chủ thợ may và chủ cửa hàng đều là người Việt.

Ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc còn có các loại hình dịch vụ khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe, dịch vụ vui chơi giải trí, rạp chiếu phim, sân chơi dành cho trẻ em, công viên và sân vận động. Ở các đô thị còn có dịch vụ chụp ảnh, đánh máy chữ, in ấn, chơi điện tử, quán bi-a, bóng bàn, cầu lông, phòng hát karaoke, cắt tóc, gội đầu, chăm sóc da mặt,...

Người Việt có các dịch vụ trang điểm cô dâu, thuê áo cưới, trang trí phòng cưới, dẫn chương trình hôn lễ, thuê loa đài, phong bật, bàn ghế, bát đĩa. Những dịch vụ đám cưới ngày càng ảnh hưởng sâu rộng vào các tộc người sở tại. Việc tang có dịch vụ cho thuê xe tang (ở thành phố, thị xã), có phường bát âm, thầy cúng, cửa hàng bán trướng phúng viếng và vòng hoa. Các nghĩa trang ở đô thị thường có những nhóm thợ nhận đào huyệt và xây mộ.

Có thể thấy, những loại hình dịch vụ của người Việt đã lan tỏa khắp vùng nông thôn làm giảm tính độc quyền về mặt thương nghiệp của các thị trấn huyện lỵ, làm cho hàng hóa được tăng cường lưu thông, giá thành hạ, xuất hiện các trung tâm thương nghiệp mới ở các xã vùng sâu, xã giáp biên. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có những loại hình dịch vụ không lành mạnh, ảnh hưởng xấu đến các tộc người ở vùng biên này như cờ bạc, mại dâm, hút chích, lô đề, bói toán... (Bùi Xuân Đình, 2009).

2.3. Thúc đẩy quan hệ thương mại và dịch vụ xuyên biên giới

Một lượng lớn người Việt tham gia vào thu mua nông sản ở các xã vùng biên để bán sang Trung Quốc. Ở xã Bản Phiệt (huyện Bảo Thắng), người Việt thu mua các loại nông sản như sắn tươi, dưa, chuối, chè do các tộc người thiểu số trong xã sản xuất để xuất sang Trung Quốc (80% lượng sắn tươi được phía Trung Quốc thu mua thông qua các thương lái Việt). Họ cũng tham gia vào dịch vụ vận chuyển hàng hóa sang bên kia biên giới qua đường tiểu ngạch và qua cửa khẩu Lào Cai (Bùi Xuân Đình, Nguyễn Ngọc Thanh, 2013, tr. 51-52).

Còn ở xã Bản Lầu (huyện Mường Khương), người Việt từ Thái Bình, Nam Định, Hà Nam chuyển lên từ năm 1961 đã đứng ra làm đại lý thu mua các hàng nông sản của người dân trong xã để xuất sang Trung Quốc và một phần tiêu thụ trong nước. Tại xã có hai doanh

ngiệp (chủ là người Việt) chuyên thu mua chuối, dứa và các nông sản khác để xuất sang thị trường Trung Quốc; họ nhận được đơn đặt hàng từ phía Trung Quốc từ đầu vụ, sau đó đi đến từng hộ gia đình để đặt mua dứa, chuối. Phần lớn số chuối quả được xuất sang Trung Quốc thông qua các đại lý người Việt xuất qua cửa khẩu Lào Cai hoặc bán trực tiếp cho người Trung Quốc qua các lối mòn biên giới (Bùi Xuân Đình, Nguyễn Ngọc Thanh đồng chủ biên, 2013, tr. 54-55).

Tại những địa phương có cửa khẩu, nhiều người Việt sang các chợ biên kia biên giới thuê quầy bán hàng, bán rong hoặc bán tại siêu thị, như tại thị trấn Hà Khẩu của Trung Quốc có rất nhiều sạp hàng của người Việt. Bên cạnh đó, có một số người buôn bán ở bên ngoài khu vực chợ, khi chợ tan dần thì gánh đi bán rong trên phố, mức thu nhập từ 150 - 500 nghìn đồng/ngày. Các doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa, doanh nghiệp du lịch làm thủ tục xuất nhập cảnh, các nhà hàng, khách sạn đến những cửa hàng tạp hóa, bán đồ ăn, chăm sóc sắc đẹp, dịch vụ đổi tiền ở khu vực cửa khẩu, chợ biên giới... đều do người Việt làm chủ. Các chủ phương tiện tham gia vận chuyển hàng hóa qua cửa khẩu bằng xe cơ giới tại cửa khẩu cũng đều là người Việt. Một số người Việt biết tiếng Trung Quốc tham gia vào các dịch vụ làm thủ tục xuất nhập cảnh và hướng dẫn viên du lịch sang thị trấn Hà Khẩu.

3. Ảnh hưởng của người Việt trong phát triển thương mại và dịch vụ ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc

Quá trình cộng cư đã giúp cho người Việt và các tộc người sở tại học hỏi cái hay, cái đẹp và xích lại gần nhau hơn. Những lợi thế, thế mạnh của mỗi tộc người được phát huy và có sức lan tỏa sang các tộc người khác. Người Việt là tộc người có truyền thống thương mại từ sớm, có nhiều lợi thế để phát triển và khẳng định vị thế của mình ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc.

Trước hết, người Việt đã làm thay đổi bộ mặt thương mại và dịch vụ của các tộc người thiểu số: từ buôn bán tự phát, dè dặt sang các hoạt động thương mại sôi động và chuyên nghiệp. Các hoạt động thương mại - dịch vụ ở vùng biên phát triển, góp phần thúc đẩy sự phát triển của kinh tế hàng hóa trong các lĩnh vực nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp,... Sự hình thành và phát triển của một số người buôn bán chuyên nghiệp ở các tộc người thiểu số sở tại càng khẳng định sâu sắc hơn những ảnh hưởng cũng như sự thành công của người Việt ở vùng biên này.

Từ đồng bằng chuyển lên, người Việt cư trú phần lớn ở các đô thị, thị trấn, trung tâm cụm xã, ban đầu hình thành mạng lưới các trung tâm thương mại và dịch vụ, sau đó góp phần làm cho những đô thị này trở thành trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa của địa phương.

Người Việt đã phát huy có hiệu quả vai trò của mình trong việc làm cầu nối trung gian giữa thương mại và dịch vụ ở vùng biên giới với miền xuôi và các vùng lân cận. Người Việt đã đi tiên phong trong việc mở mang thương mại ở vùng biên, đồng thời kết hợp với những quan hệ kinh tế truyền thống xuyên biên giới của các tộc người sở tại để thúc đẩy quan hệ kinh tế thương mại Việt Nam - Trung Quốc phát triển, từ vùng đất biên viễn xa xôi trở thành những trung tâm kinh tế năng động của đất nước.

Với sự năng động, sáng tạo, tinh thần dám nghĩ dám làm, người Việt còn thể hiện là cộng đồng cư dân biết tính toán trong làm ăn và phát huy được truyền thống thương mại của cư dân miền xuôi ở vùng đất biên giới này. Đặc biệt là cách ứng xử khôn khéo, linh hoạt và mềm mại trong quan hệ kinh tế thương mại của người Việt đã có ảnh hưởng rất lớn đến các tộc người thiểu số.

Tuy nhiên, hoạt động thương mại - dịch vụ của người Việt ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc cũng có những hạn chế khá căn bản, đó là: có sự chênh lệch tương đối lớn giữa các tỉnh và các tiểu vùng, như: phát triển mạnh ở vùng phía Đông (các tỉnh Lào Cai, Quảng Ninh, Lạng Sơn; giảm dần sang tiểu vùng giữa (các tỉnh Cao Bằng, Hà Giang) và rất kém phát triển ở tiểu vùng phía Tây (các tỉnh Điện Biên, Lai Châu). Điều này là kết quả của hiện tượng tình nào, tiểu vùng nào tiếp giáp với các tỉnh phát triển của Trung Quốc sẽ kéo theo sự buồn bán sôi động của phía Việt Nam và ngược lại. Hiện tượng này cũng cho thấy sự phụ thuộc một phần vào sự phát triển từ phía Trung Quốc của thương nghiệp, thương nhân Việt Nam. Bản thân người Việt cũng có một số hạn chế nhất định trong quá trình phát triển thương mại và dịch vụ ở vùng biên. Họ vốn là những tiểu thương xuất thân từ nền sản xuất tiểu nông, nên không tránh khỏi việc tranh mua tranh bán, dễ phá giá, ép giá, không tuân thủ các quy định trong thương trường nên tự làm thua thiệt nhau. Ngoài ra, một số người còn lợi dụng sự thật thà của người dân các tộc người thiểu số để trục lợi, như cân thiếu thừa, cho nợ lãi cao, mua trước giá rẻ,... Người Việt cũng gặp những thách thức nhất định trong các hoạt động buôn bán với các thương nhân Trung Quốc như sự bất bình của thị trường, sự cạnh tranh khốc liệt từ nhiều phía,...

Kết luận

Quá trình phát triển thương mại và dịch vụ ở vùng biên giới Việt Nam - Trung Quốc là việc xây dựng một hệ thống liên hoàn, từ việc tạo nguồn vốn, thiết lập mạng lưới quan hệ bạn hàng, mở rộng thị trường, xây dựng hệ thống chính sách nâng cao năng lực kinh doanh của các thương nhân, tiểu thương, người buôn bán nhỏ là việc làm rất cần thiết trong chiến lược phát triển kinh tế bền vững ở vùng biên giới. Trong quá trình đó, người Việt giữ vai trò rất quan trọng, là lực lượng chính trong việc hình thành và phát triển các trung tâm thương mại lớn, thúc đẩy các quan hệ thương mại và dịch vụ xuyên biên giới, góp phần thúc đẩy quá trình đô thị hóa ở vùng biên này. Chính vì vậy, cần có sự nhìn nhận đúng đắn về vai trò của

tộc người Việt trong quá trình phát triển kinh tế thương mại và dịch vụ để từ đó có chính sách khuyến khích họ trong phát triển và đảm bảo an ninh ở vùng biên giới trọng yếu này.

Tài liệu tham khảo

1. Nghiêm Kim Anh (2017), *Vốn xã hội trong hoạt động của tiểu thương tại chợ Hạ Long I, tỉnh Quảng Ninh*, Khoa luận tốt nghiệp ngành Nhân học, lưu tại Thư viện Khoa Nhân học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội.
2. Hoàng Hữu Bình (1993), “Cơ cấu dân tộc của cư dân các thị trấn ở các tỉnh miền núi phía Bắc”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 45-52.
3. Bonnin, Christine (2014), “Những trao đổi địa phương và buôn bán trâu tại chợ ở vùng cao Việt Nam (tỉnh Lào Cai)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 72-83.
4. Bùi Xuân Đình (2009), *Vai trò của người Việt trong phát triển bền vững vùng Đông Bắc Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp đề tài khoa học cấp Bộ, lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học.
5. Bùi Xuân Đình, Tạ Thị Tâm (2009), “Người Việt và đô thị vùng Đông Bắc”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 10-19.
6. Bùi Xuân Đình, Nguyễn Ngọc Thanh (Đồng chủ biên, 2013), *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế - xã hội ở các vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Minh Hằng (2001), *Buôn bán qua biên giới Việt - Trung: Lịch sử - hiện trạng - triển vọng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Trần Hồng Hạnh (2016), “Tình hình sử dụng đất đai của một số dân tộc thiểu số ở vùng biên giới Việt - Trung”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 6, tr.3-13.
9. Nguyễn Văn Huy (1982), “Một số nghiên cứu cư dân thành thị ở miền núi”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1, tr. 30-33.
10. Vũ Dương Ninh (2010), *Biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
11. Ngô Thị Lan Phương (2015), *Quan hệ Việt - Trung giai đoạn 1986-2010 qua trường hợp quan hệ hai tỉnh Quảng Ninh (Việt Nam) và Quảng Tây (Trung Quốc)*, Luận án tiến sĩ Lịch sử, lưu tại Thư viện Viện Sử học.
12. Trần Hữu Sơn (2014), “Hiệu quả hoạt động ở chợ vùng cao dưới góc nhìn Nhân học”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 3, tr. 61-71.
13. Tạ Thị Tâm (2013), *Mạng lưới xã hội của các tiểu thương ở chợ vùng biên (Nghiên cứu trường hợp chợ Cốc Lếu, tỉnh Lào Cai)*, Luận văn thạc sĩ Dân tộc học, lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học.

14. Tạ Thị Tâm (2017), “Những liên hệ trao đổi ở một chợ vùng biên”, *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, Số 8, tr. 34-44.
15. Nguyễn Công Thảo (2000), *Người Việt trong cộng đồng các tộc người ở thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu*, Báo cáo tập sự, lưu tại Thư viện Viện Dân tộc học.
16. Vương Xuân Tinh (Chủ biên, 2014), *Văn hóa với phát triển bền vững ở vùng biên giới Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Tỉnh ủy, UBND tỉnh Cao Bằng (1999), *Địa chí Cao Bằng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
18. Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Ninh (2003), *Địa chí Quảng Ninh* (3 tập), Nxb. Thế giới, Hà Nội.
19. UBND tỉnh Lạng Sơn (1999), *Địa chí Lạng Sơn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.



Người Việt bán con giống ở chợ Cán Cấu, xã Cán Cấu, huyện Simacai, tỉnh Lào Cai

Ảnh: Tạ Thị Tâm, chụp năm 2018